

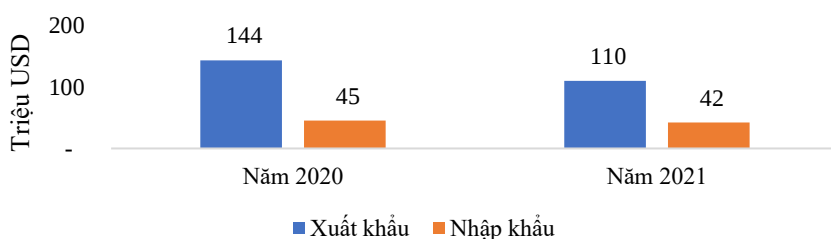
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

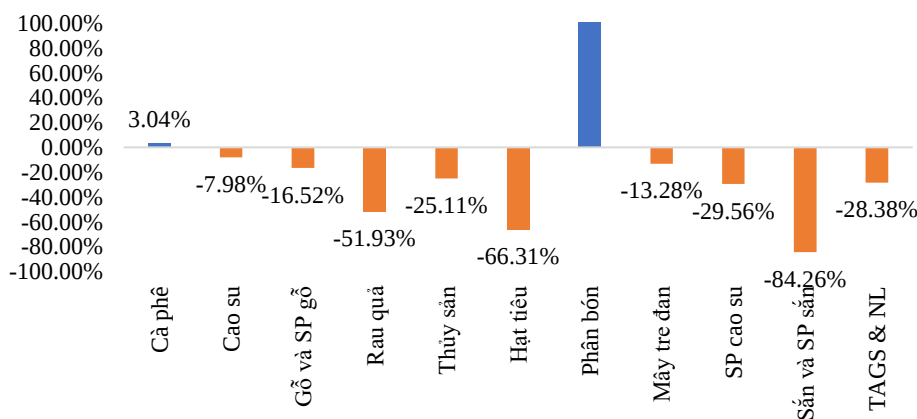
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hàn Quốc
T2-2021/2020**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam – Hàn Quốc
T2-2021/2020**

- Xuất khẩu ▼ 23,20 %
- Nhập khẩu ▼ 7,06 %

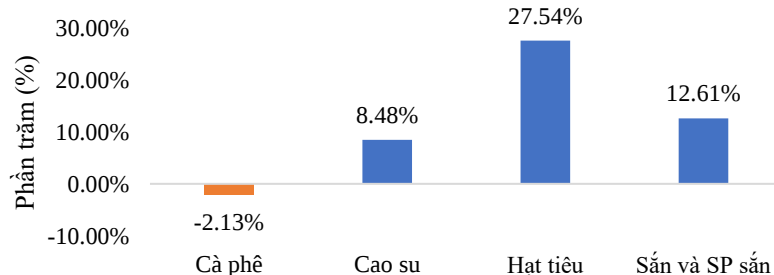
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của Việt
Nam sang Hàn Quốc T2-2021/2020**



So sánh T2-2021/2020

- Cà phê ▲ 3,04%
- Cao su ▼ 7,98%
- Gỗ và SP gỗ ▼ 16,52%
- Hàng rau quả ▼ 51,93%
- Hàng thủy sản ▼ 25,11%
- Hạt tiêu ▼ 66,31%
- Phân bón ▲ 682,21%
- Mây tre đan ▼ 13,28%
- SP từ cao su ▼ 29,56%
- Sắn và SP sắn ▼ 84,26%
- TAGS & NL ▼ 28,38%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân T2-
2021/2020**



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T2-2021/2020**

- Cà phê ▼ 2,13%
- Cao su ▲ 8,48%
- Hạt tiêu ▲ 27,54%
- Sắn và SP sắn ▲ 12,61%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Ngày 26/03, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo kinh tế Hàn Quốc sẽ tăng trưởng 3,6% trong năm nay, tăng 0,5% so với mức dự báo vào tháng 01/2021. IMF đưa ra dự báo sửa đổi trên trong báo cáo về kết quả của cuộc tham vấn thường niên với Hàn Quốc. IMF cho rằng nền kinh tế lớn thứ tư châu Á dự kiến sẽ phục hồi trong năm nay, “được hỗ trợ bởi quá trình bình thường hóa từng bước các yếu tố liên quan đến COVID-19 và nhu cầu bên ngoài cao hơn”. IMF cũng đã tính toán đến tác động dự kiến của khoản ngân sách bổ sung 15 nghìn tỷ won (13 tỷ USD) mới nhất của Hàn Quốc.

Dự báo của IMF cao hơn so với ước tính tăng trưởng kinh tế Hàn Quốc do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BoK) đưa ra. OECD dự báo kinh tế Hàn Quốc sẽ tăng trưởng 3,3% trong năm nay, trong khi BoK dự báo kinh tế tăng trưởng 3%. Nền kinh tế Hàn Quốc sụt giảm 1% trong năm 2020, mức suy thoái đầu tiên kể từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á giai đoạn 1997-1998. Tuy nhiên, mức sụt giảm kinh tế của Hàn Quốc được xem là thấp hơn nhiều so với phần lớn các nền kinh tế phát triển khác.

Hàn Quốc dự kiến chi 11,9 tỷ won (10,4 triệu USD) trong năm 2021 để mở các trung tâm hỗ trợ FTA mới ở Đông Nam Á và cung cấp các chương trình tư vấn theo nhu cầu. Quốc gia này hiện đang vận hành 18 trung tâm hỗ trợ FTA cho các nhà xuất khẩu trên toàn quốc, cùng với 15 trung tâm khác ở nước ngoài. Hàn Quốc hiện có FTA với 17 quốc gia hoặc khối theo khu vực, trong đó có Mỹ, Liên minh châu Âu (EU) và ASEAN. Nền kinh tế lớn thứ tư của châu Á hiện đang chờ đợi việc thực thi một loạt các FTA, trong đó có Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), bao gồm ASEAN và các đối tác đối thoại - Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand. Hàn Quốc và Indonesia cũng đã ký Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện (CEPA) trong năm 2020. Hiệp định này đang chờ Quốc hội thông qua. CEPA tương tự như FTA, nhưng tập trung vào phạm vi hợp tác kinh tế rộng hơn.

Năm 2020, giá trị xuất khẩu của Hàn Quốc đạt 512,8 tỷ USD, giảm 5,4% so với năm 2019. Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BoK) dự báo xuất khẩu sẽ phục hồi với mức tăng 7,1% trong năm 2021.

Thông tin từ Tổng Công ty Thương mại Nông sản và Thực phẩm (KAFTC) Hàn Quốc, nước này sẽ tổ chức đấu thầu để mua 208.217 tấn gạo. Ngày tổ chức đấu thầu là ngày 26/3/2021. Nguồn cung cấp đến từ Mỹ, Trung Quốc, Thái Lan, Úc và Việt Nam. Trong 208.217 tấn gạo nói trên, sẽ có một lô hàng 11.236 tấn được Hàn Quốc mua từ Việt Nam, với cảng đến là Mokpo, thời hạn giao hàng đến 30/6/2021.

Tháng 02/2021, Việt Nam xuất khẩu 110,3 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, giảm 23,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 43,3%, thứ hai là thủy sản với 32,0%, rau quả chiếm 6,9%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, chỉ có 2 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng là cà phê và phân bón, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch giảm so với cùng kỳ năm 2020.

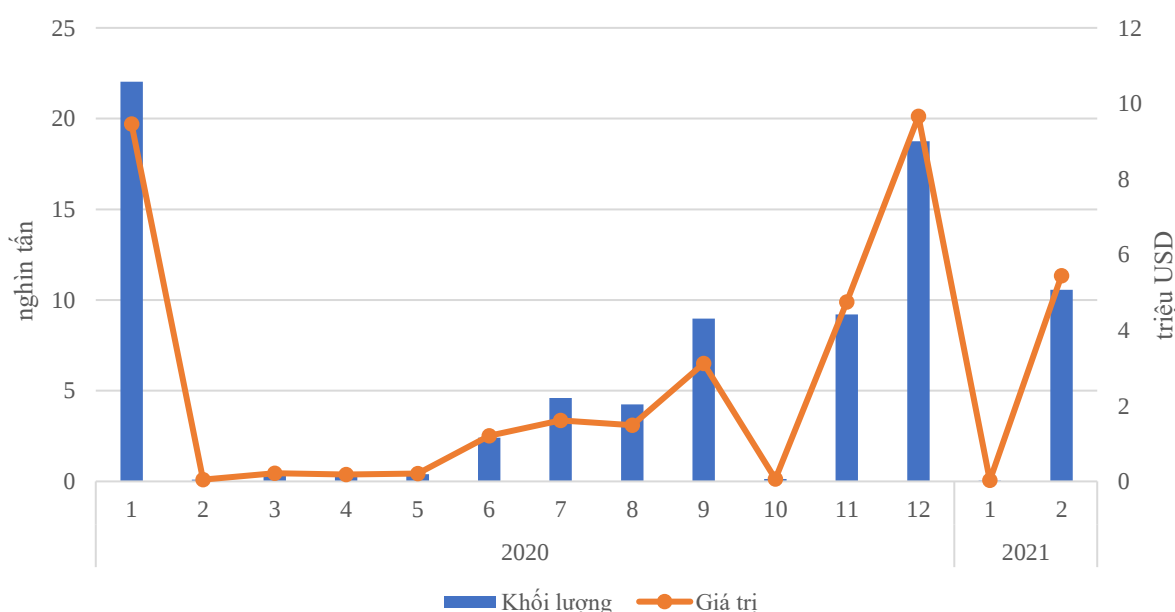
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 03/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hàn Quốc trong năm 2021 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 3,51 triệu tấn, giảm 0,24 nghìn tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Hàn Quốc ước đạt 450 nghìn tấn, giảm khoảng 15 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 02/2021, Việt Nam xuất khẩu được 10,6 nghìn tấn gạo, trị giá 5,4 triệu USD sang Hàn Quốc, tăng rất cao so với mức 45 tấn và 26,8 nghìn USD của tháng 01/2021; và 0,1 nghìn tấn và 44,8 nghìn USD so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 2 tháng đầu năm 2021 đạt 10,6 nghìn tấn gạo, trị giá 5,5 triệu USD giảm 52,1% về khối lượng và 42,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc

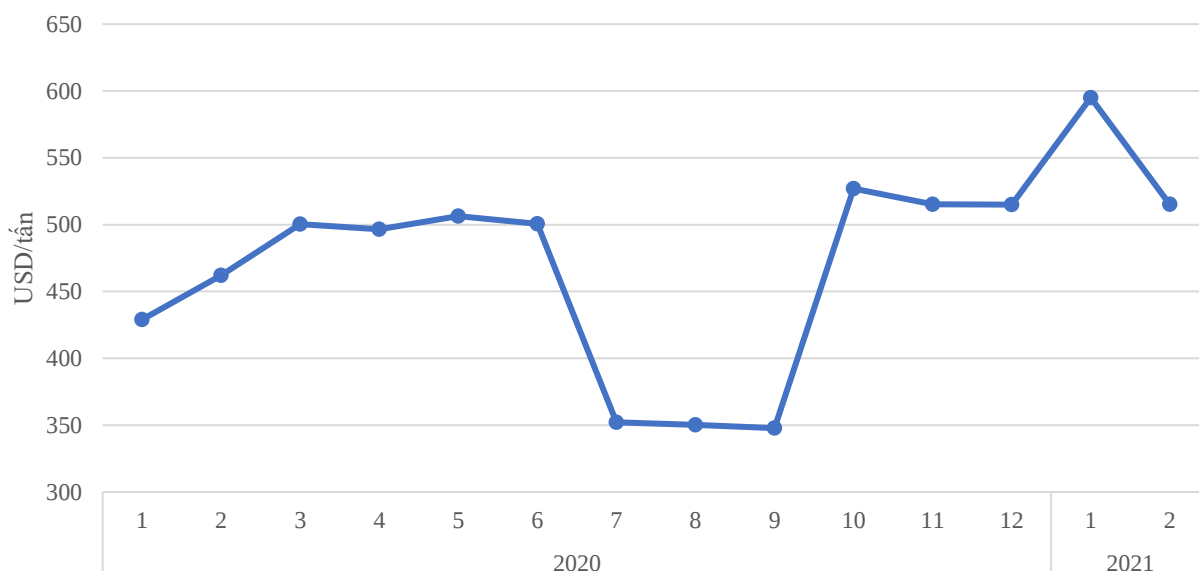


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2021, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu duy nhất sang Hàn Quốc, chiếm 99,8% về khối lượng và 99,7% về giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc. Xuất khẩu gạo trắng sang Hàn Quốc đã tăng rất cao so với mức 68 tấn và 28,2 nghìn USD của tháng 02/2020.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 02/2021 đạt 515,3 USD/tấn, giảm 13,4% so với tháng 01/2021 nhưng tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2020.

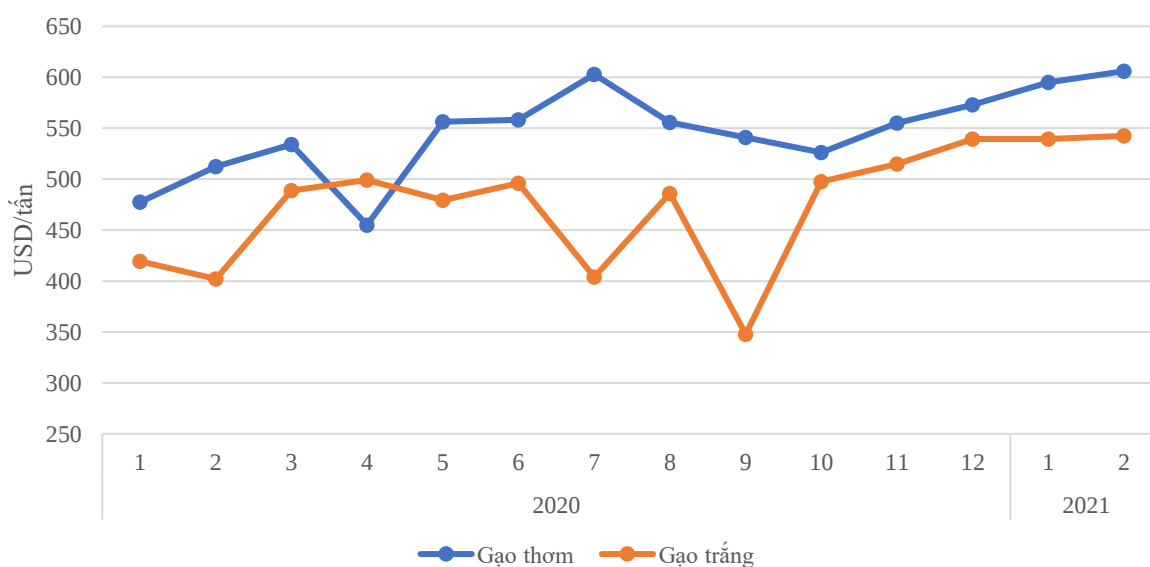
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc đều có xu hướng tăng trong tháng. Cụ thể, giá xuất khẩu gạo trắng tháng 02/2021 đạt trung bình 606,0 USD/tấn, tăng 1,8% so với tháng 02/2020 và 18,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn giá gạo thơm đạt 542,5 USD/tấn, tăng 0,6% so với tháng trước và 35,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

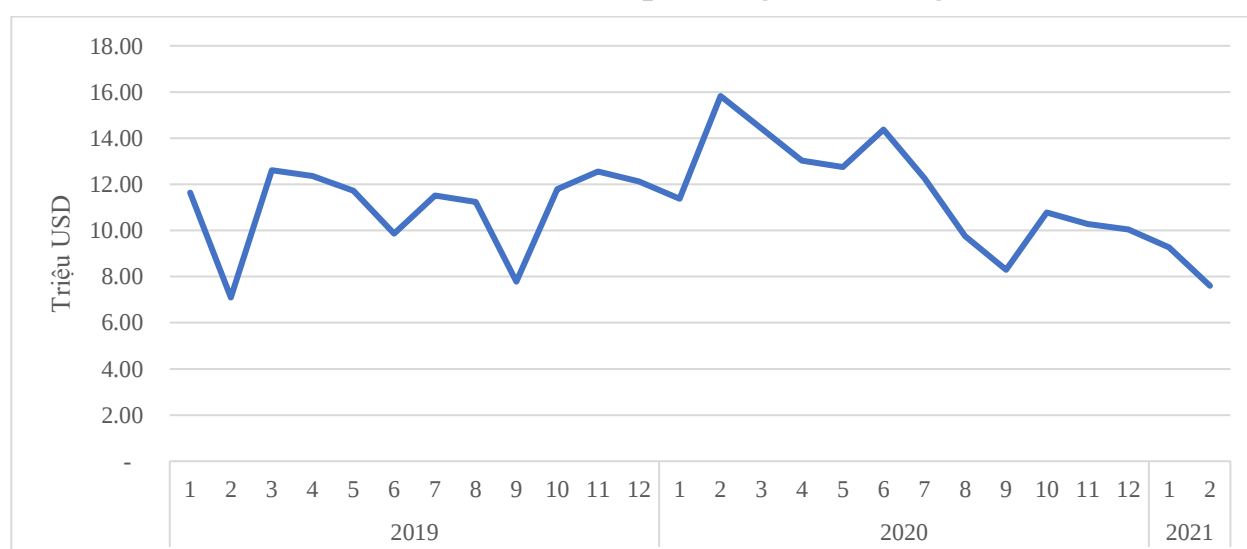
Trong tháng 02/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Tổng Công ty Lương thực miền Bắc, Công ty TNHH Thành Phát và Công Ty Cổ Phần Lương Thực Bình Minh. Ba công ty này chiếm lần lượt 99,3%, 0,4% và 0,3% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 02/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Tổng Công ty Lương thực miền Bắc không xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 02/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 02/2021, còn Công ty TNHH Thành Phát tăng 156,2%, và Công Ty Cổ Phần Lương Thực Bình Minh giảm 0,2%.

2. RAU QUẢ

Bộ Nông nghiệp Colombia thông báo về việc Hàn Quốc đã mở cửa thị trường cho bơ Hass của Colombia. Việc mở cửa được thực hiện nhờ vào sự hợp tác giữa Bộ Ngoại giao Colombia, ProColombia; Bộ Nông nghiệp; Bộ Thương mại, Công nghiệp và Du lịch, và Học viện Nông nghiệp (ICA). Đặc biệt là từ sự nỗ lực của Học viện Nông nghiệp (ICA) và Cơ quan Kiểm dịch Động thực vật Hàn Quốc (APQA).

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 2 năm 2021 đạt 7,6 triệu USD, chiếm 3,0% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 17,9% so với tháng trước (đạt 9,3 triệu USD) và giảm 51,9% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 15,8 triệu USD). Tính chung hai tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 16,9 triệu USD, giảm 37,9% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 27,2 triệu USD).

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc

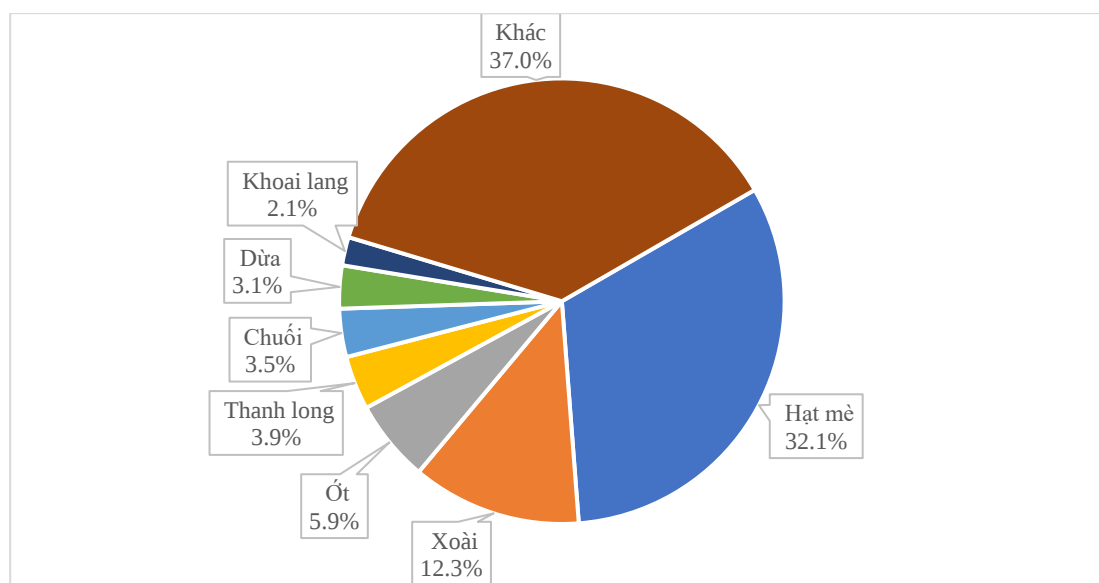


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 2 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 2,7 triệu USD (chiếm 35,7% thị phần, giảm 69,4% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 4,9 triệu USD (chiếm 64,3% thị phần, giảm 29,5%), trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 3,9 triệu USD (giảm 18,8% so với cùng kỳ năm trước); (ii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 448,6 nghìn USD (tăng 21,7%); (iii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 307,7 nghìn USD (giảm 78,7%);...

Trong tháng 2 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm hạt mè đạt 2,4 triệu USD (chiếm 32,1% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 26,7% so với cùng kỳ năm 2020); xoài đạt 937,1 nghìn USD (chiếm 12,3%, giảm 36,7%); ớt đạt 452,6 nghìn USD (chiếm 5,9%, giảm 84,1%); thanh long đạt 297,4 nghìn USD (chiếm 3,9%, tăng 0,8%); chuối đạt 266,2 nghìn USD (chiếm 3,5%, giảm 19,0%); ...

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 2 năm 2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

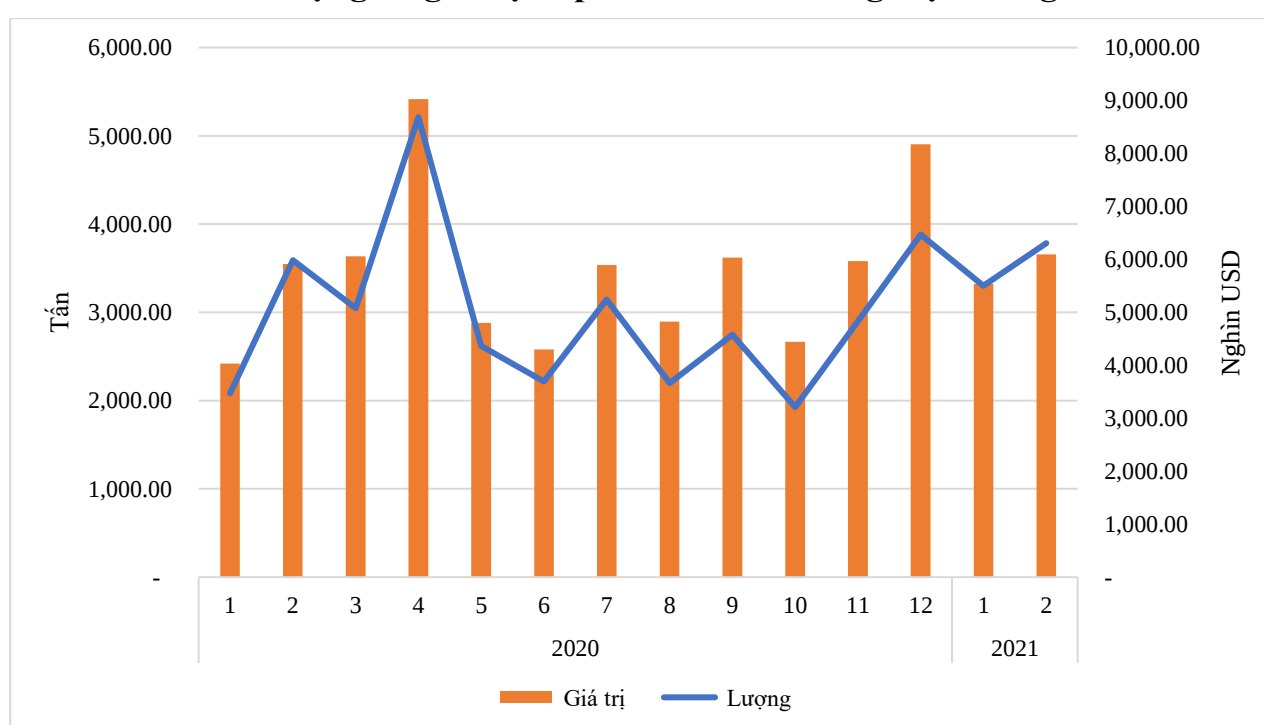
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 2 năm 2021 đạt 2,7 triệu USD, chiếm 2,9% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 30,6% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 4 triệu USD). Tính chung hai tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hàn Quốc đạt 8,7 triệu USD, giảm 4,4% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 9,1 triệu USD). Trong tháng 2/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là dâu tây đạt 1,1 triệu USD (chiếm 41,8%, tăng giảm 16,6% so với cùng kỳ năm 2020); rong biển đạt 595,5 nghìn USD (chiếm 21,7%, giảm 22,0%); nho đạt 255,1 nghìn USD (chiếm 9,3%, cao gấp 12 lần); ...

Trong tháng 2/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Y.K. Vina, Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hân Vị với thị phần xuất khẩu lần lượt là 31,9%; 7,4% và 3,3%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH Y.K. Vina tăng 1,2%, Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam tăng 139,3% và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hân Vị giảm 62,2%.

3. CÀ PHÊ

Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 10 của Việt Nam, chiếm khoảng 3 % tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 2/2021 đạt 3,7 nghìn tấn, trị giá 6,09 triệu USD, tăng 14,5 % về lượng và tăng 9,94 32% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 2/2020, xuất khẩu cà phê tăng 5,29% về lượng nhưng giảm 2,13% về giá trị.

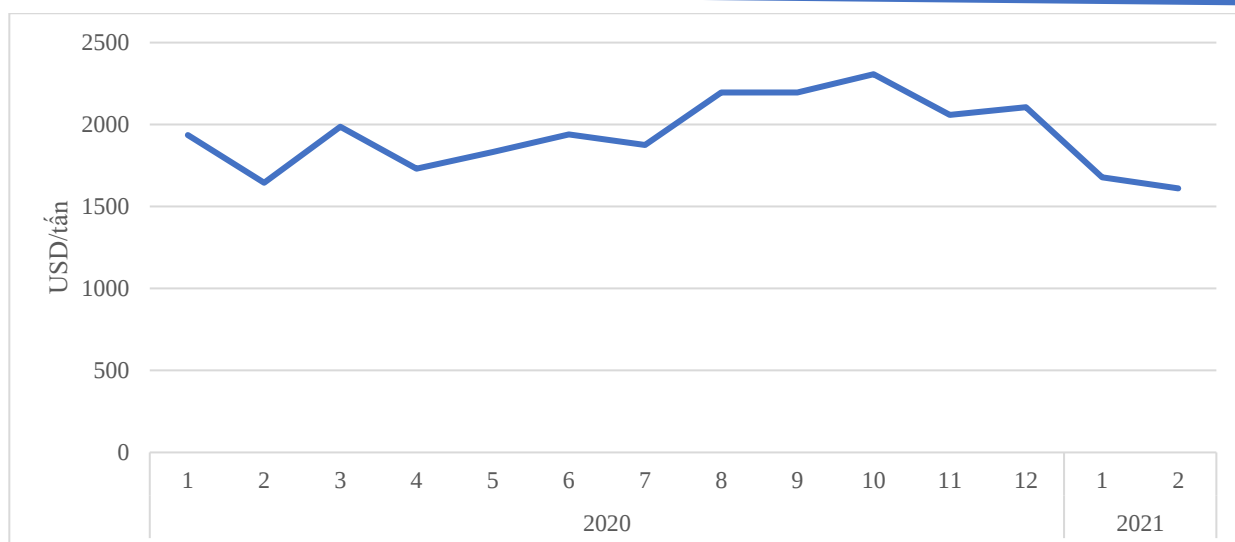
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 02/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc là 1.610 USD/tấn, giảm 4,01% so với tháng 1/2021 và giảm 2,13 % so với cùng kỳ tháng 02/2020.

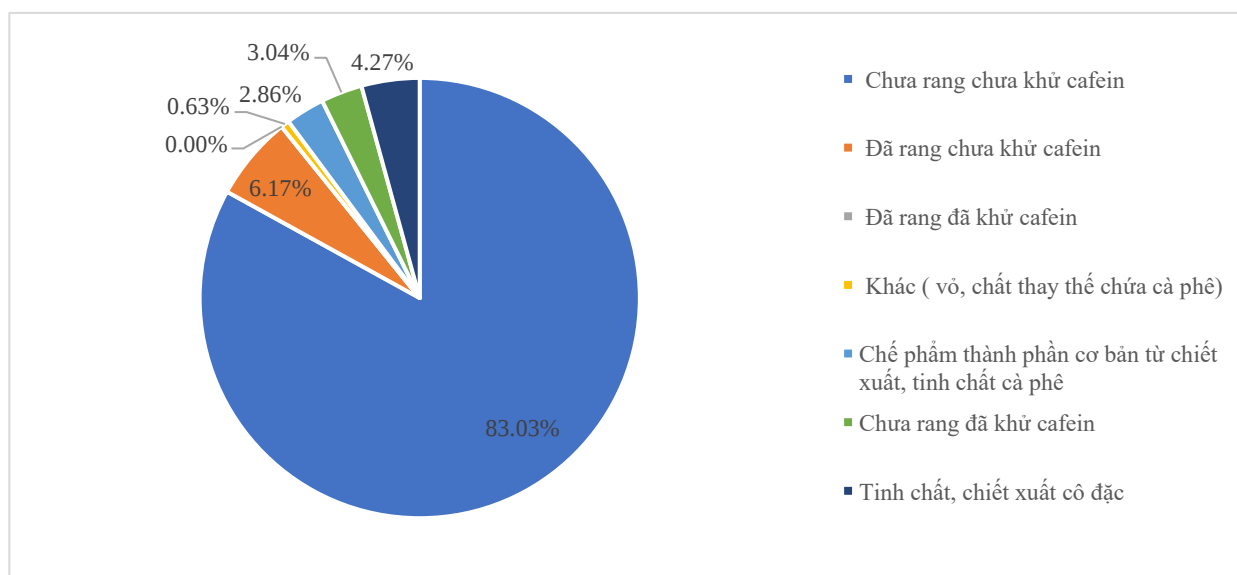
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử caffein xuất khẩu trong tháng 01/2021 đạt 5 triệu USD, chiếm 83% tổng giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào Hàn Quốc, tăng 14% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 139 nghìn USD, chiếm 6,7% tổng xuất khẩu, tăng 169% so với cùng kỳ, cà phê hòa tan, chiết xuất cô đặc đạt 434 triệu USD, chiếm 7% tổng xuất khẩu cà phê, giảm 60% so với cùng kỳ. Trong khi đó cà phê chưa rang đã khử caffein chiếm 3,04%, tăng 166% so với cùng kỳ.

Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là: Công ty TNHH XNK Đắc Lắc, Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước và Công ty TNHH Volcafe Việt Nam với thị phần lần lượt là: 29,11%, 19,7% và 11,21%.

Bất chấp những hạn chế rộng rãi về việc di chuyển và hoạt động quán cà phê trong 12 tháng qua, cơn khát cà phê của người dân Hàn Quốc không có dấu hiệu chậm lại. Dữ liệu từ cơ quan chính phủ, Dịch vụ Hải quan Hàn Quốc cho thấy Hàn Quốc đã nhập khẩu 176.648 tấn cà phê trị giá 737,8 triệu USD vào năm 2020 - mức tăng hàng năm lần lượt là 5,4% và 11,5% - cả hai mức cao nhất được ghi nhận kể từ khi theo dõi dữ liệu bắt đầu vào năm 2000.

Nhập khẩu máy pha cà phê của nước này cũng tăng vọt. Nhập khẩu máy pha cà phê lên tới 120,5 triệu USD, tăng 35% so với cùng kỳ năm ngoái. Một nhà quan sát trong ngành cho biết: “Trong khi nhu cầu cà phê tiếp tục tăng trưởng ổn định, sự bùng nổ của quán cà phê gia đình đã tạo ra nhu cầu lớn hơn nữa. Trên thực tế, xuất khẩu cà phê hàng tháng đã tăng lên khi quốc gia này trải qua các biện pháp quản lý xã hội chặt chẽ hơn. Nhập khẩu cà phê tăng trung bình 19,7% so với một năm trước đó vào tháng 8 và tháng 9 khi mức hạn chế xã hội được nâng cao hơn trên toàn quốc. Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước đã đạt trung bình 6,4% trong những tháng trước đó. Nói chung, tiêu thụ cà phê đang tăng nhanh vì nhu cầu cà phê tại nhà không chỉ hấp thụ nhu cầu cà phê bị mất tại các quán cà phê đường phố do lượng người đi bộ giảm trong bối cảnh hạn chế của Covid-19 mà còn thúc đẩy nhu cầu hơn nữa. Các chuỗi quán cà phê và công ty thực phẩm cũng đang di chuyển nhanh chóng để thúc đẩy sự bùng nổ cà phê.

Nghiên cứu của World Coffee Portal cho thấy rằng ngay cả khi bị hạn chế kinh doanh nghiêm ngặt trong thời kỳ đại dịch, các chuỗi cà phê có thương hiệu của Hàn Quốc vẫn mở hàng trăm cửa hàng vào năm 2020, với tổng thị trường cà phê có thương hiệu mở rộng 8,3% lên 24.905 cửa hàng trong 12 tháng qua. Công ty dẫn đầu thị trường, Ediya Coffee, đã mở 235 cửa hàng trong năm 2020 và hiện điều hành 3.200 cửa hàng tại Hàn Quốc. Starbucks đã thêm 102 cửa hàng với tổng số 1.436, A Twosome Place mở 191 cửa hàng với tổng số 1.291, và Mega Coffee tập trung vào giá trị hiện có 1.119 cửa hàng sau khi mở 367 trong năm. SPC Group, công ty điều hành chuỗi cửa hàng bánh mì lớn nhất Hàn Quốc Paris Baguette, và các công ty thực phẩm hàng đầu khác cũng đang mở rộng dòng sản phẩm cà phê của họ. Chương trình kiểm tra nhanh chóng và các biện pháp kiểm dịch có mục tiêu đã giúp Hàn Quốc sớm đạt được thành công trong việc kiểm soát Covid-19 và hạn chế thiệt hại kinh tế cho các doanh nghiệp khách sạn và quán cà phê. Tuy nhiên về lâu dài các hạn chế thương mại để tránh bùng dịch trở lại vẫn là một thách thức.

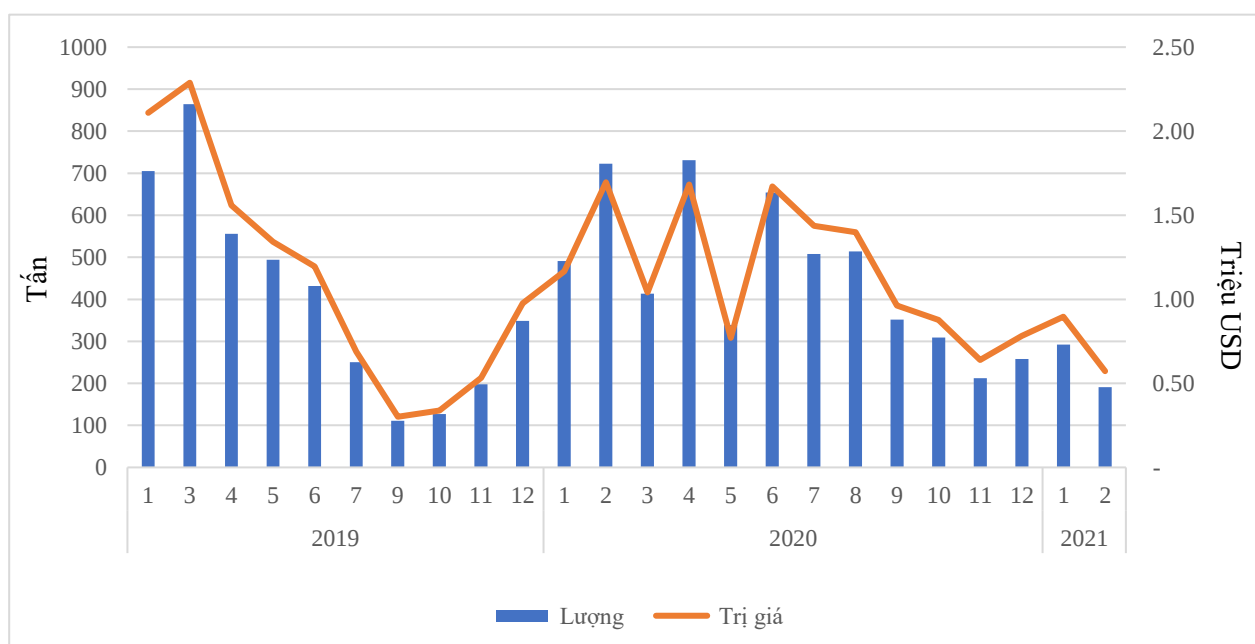
Bộ Môi trường Hàn Quốc cho biết các chuỗi cà phê có thương hiệu lớn nhất Hàn Quốc sẽ được yêu cầu tính phí khách hàng một khoản đặt cọc có thể hoàn lại cho việc sử dụng cốc cà phê dùng một lần từ năm 2022. Luật sửa đổi cũng cấm sử dụng

các dụng cụ dùng một lần, bao gồm ống hút và máy khuấy bằng nhựa, đối với khách hàng tiêu thụ thực phẩm và đồ uống trong cửa hàng. Các doanh nghiệp kinh doanh quán cà phê có từ 100 cửa hàng trở lên sẽ phải tuân theo quy định mới, trong khi các nhà khai thác nhỏ hơn được phép chọn không tham gia chương trình này. Mức phí chính xác của thuế cốc dùng một lần vẫn chưa được công bố, nhưng một sáng kiến tự nguyện được thực hiện từ năm 2002-2008 đã đặt cọc 50-100 won (0,4-0,8 USD) cho mỗi cốc cà phê giấy được sử dụng. Các quy định mới được công bố khi chính phủ Hàn Quốc nỗ lực thúc đẩy tỷ lệ tái chế đang giảm và giảm lượng rác thải sử dụng một lần. Dữ liệu từ Bộ Môi trường nhà nước cho thấy khoảng 2,5 tỷ cốc dùng một lần đã được sử dụng trên khắp Hàn Quốc trong năm 2018, với chỉ 5% được thu hồi để tái chế - giảm so với tỷ lệ tái chế 37% vào năm 2009.

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 2/2021, khối lượng tiêu xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt 191 tấn với kim ngạch xuất khẩu đạt 571,78 nghìn USD, giảm 0,55% về khối lượng và 0,59% về giá trị so với tháng trước đó. So với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này giảm 1,63% về khối lượng và 1,83% về giá trị.

Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc

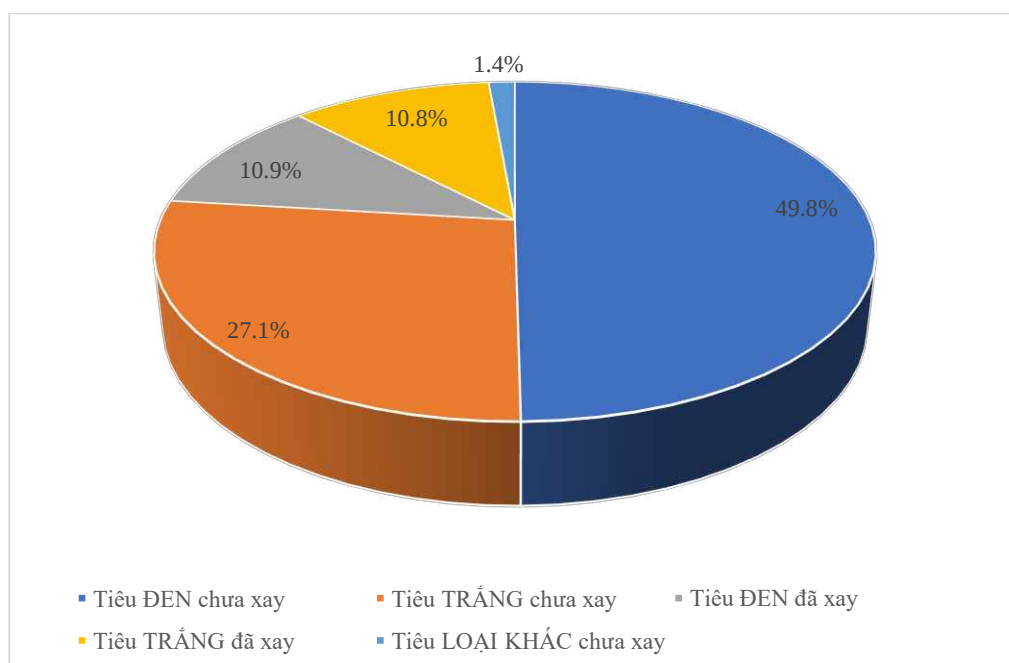


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Trong tháng 2/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính xuất khẩu sang thị trường này chiếm 49,78% tổng giá trị xuất khẩu, đạt 0,80 triệu USD, giảm

35,89% so với cùng kỳ năm trước; Tiêu trắng chưa xay chiếm 27,13%, đạt 0,44 triệu USD, tăng 21,64%; Tiêu trắng đã xay chiếm 10,93%, đạt 0,18 triệu USD, tăng 2,99%; Tiêu đen đã xay chiếm 10,77%, đạt 0,17 triệu USD, tăng 9,99%; Tiêu các loại khác chiếm 1,40%, đạt 0,2 triệu USD, tăng 1,27%.

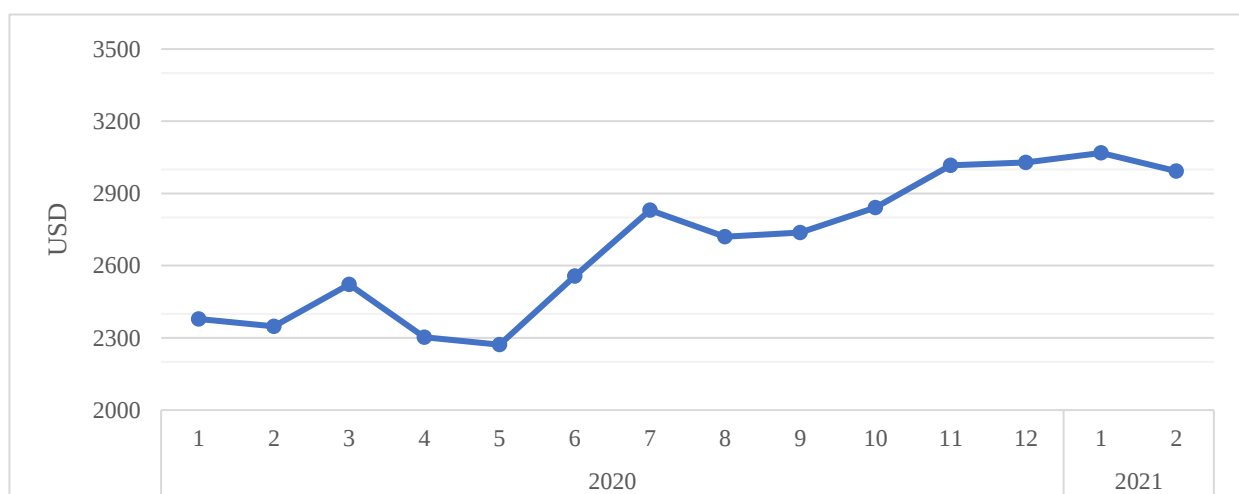
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 02/2021



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 2/2021 có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm nhẹ so với tháng 1/2021. Cụ thể, giá xuất khẩu tiêu bình quân sang thị trường này đạt 2.994 USD/tấn, tăng 27,54% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 2,44% so với tháng trước.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)



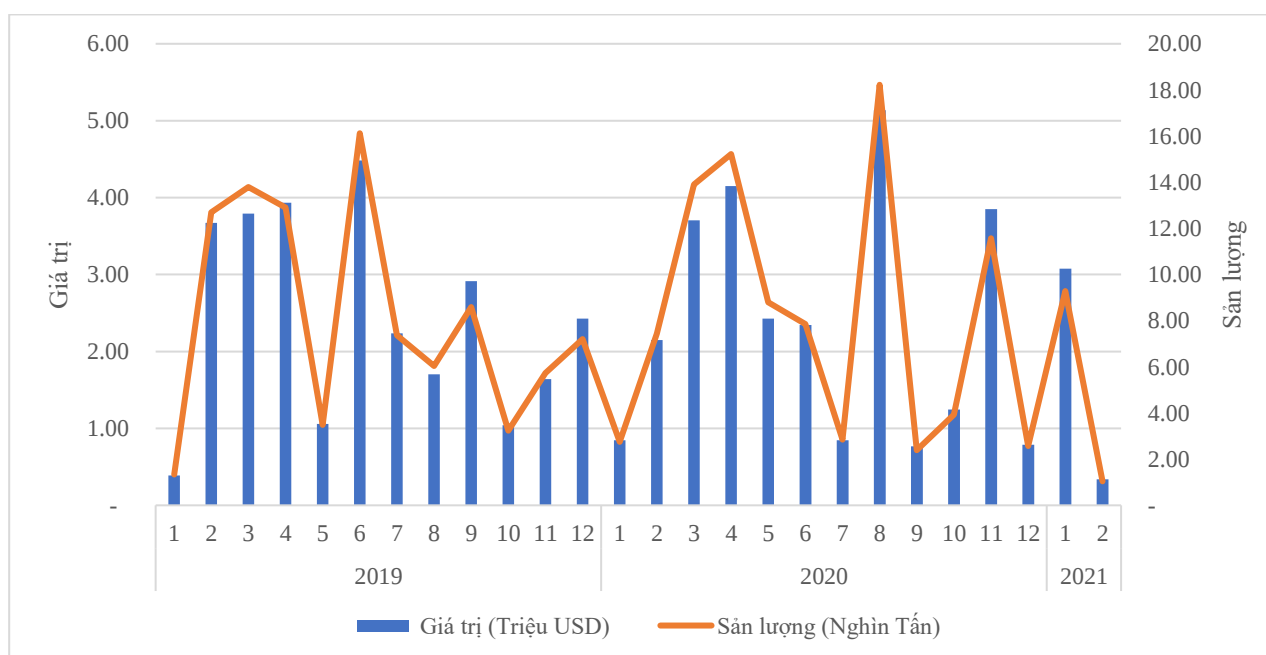
Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Trong tháng 2/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH OTTOGI Việt Nam chiếm 22,68% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu vào thị trường này; Công ty TNHH Nam International chiếm 19,10%; Công ty cổ phần tập đoàn Intimex chiếm 18,09%.

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

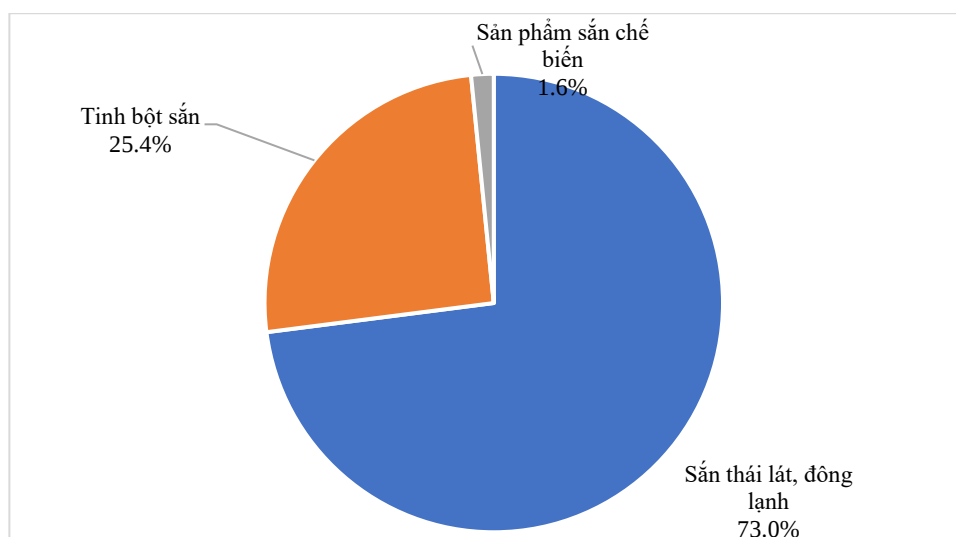
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1.040 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 337,8 nghìn USD sang thị trường Hàn Quốc giảm 88,8% về khối lượng và 89,0% về giá trị so với tháng 1/2021, và giảm 86,0% về khối lượng và 84,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 2 tháng đầu năm 2021 đạt 10,3 nghìn tấn, trị giá 3,4 triệu USD, tăng 1,4% về khối lượng và 14,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 0,5% về khối lượng và 0,4% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 2 năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu sản lát, đông lạnh chiếm 73,0% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc; tinh bột sắn chiếm 25,4% và sản phẩm sắn chế biến chiếm 1,6%.

Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

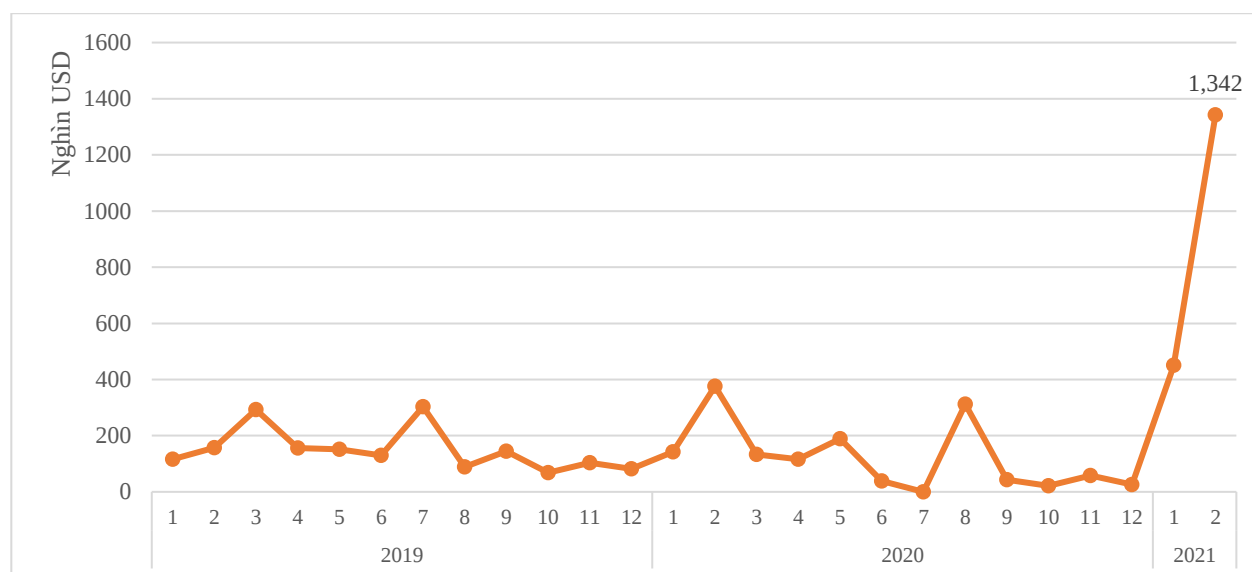
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty CP Đầu tư Sáng tạo Á Châu, Công ty TNHH Chế biến XNK Xuân Hồng và Công ty TNHH Thương mại XNK Nông sản Cát Tường với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 72,5%; 16,0% và 9,5%.

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Theo báo cáo của The Korea Herald, xuất khẩu thịt gà của Hàn Quốc đạt mức cao kỷ lục trong năm 2020, tăng gần 59,5% so với năm 2019, đạt 21 triệu USD. Theo báo cáo của Hiệp hội Thương mại Quốc tế Hàn Quốc cho rằng, sự gia tăng này là do nhu cầu tăng đột biến về sản phẩm chế biến từ gà thay thế các bữa ăn tại nhà bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và “làn sóng Hàn Quốc” trên thế giới. Mỹ là thị trường xuất khẩu thịt gà lớn nhất của Hàn Quốc trong năm ngoái, với lượng xuất khẩu đạt 5,9 triệu USD, chiếm 28,1% tổng lượng xuất khẩu của nước này. Thịt gà chế biến của Hàn Quốc chiếm 2,1% nhập khẩu thịt gà của Mỹ, tăng so với 0,9% của năm 2016. Hồng Kông là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Hàn Quốc vào năm 2020, với 4,96 triệu USD, tăng 162,4% so với năm trước. Nhật Bản chiếm 22,7%, tiếp theo là Canada (6,7%), Đài Loan (6,2%), Myanmar (2,5%) và Úc (2,1%).

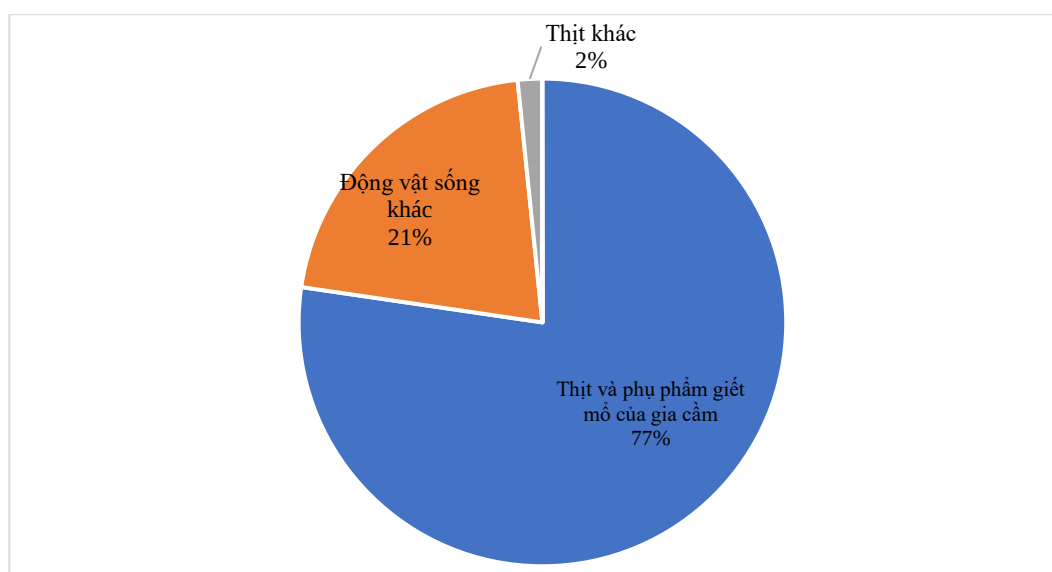
Trong tháng 2/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,34 triệu USD, tăng 197,9% so với tháng trước, chiếm 19,3% tổng giá trị xuất khẩu thịt trong tháng của Việt Nam, tăng 256,5% so với cùng kỳ năm 2020. Đây là mức xuất khẩu cao nhất từ trước đến nay đối với sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Sản phẩm xuất nhiều nhất trong tháng 2 là chân gà, chân vịt đông lạnh, chiếm 77,3% tổng giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang Hàn Quốc. Trong 2 tháng đầu năm 2021, Hàn Quốc đã tăng cường nhập khẩu sản phẩm từ gia cầm để bù đắp cho nguồn cung trong nước đang bị ảnh hưởng bởi dịch cúm gia cầm từ cuối năm ngoái. Bên cạnh đó, trong tháng 2, Việt Nam cũng khẩu một sản phẩm khác sang thị trường Hàn Quốc như khỉ đuôi dài, ếch thịt, và thịt chế biến. Trong tháng đầu tiên của năm 2021, chỉ có 4 doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu sản phẩm thịt sang thị trường Hàn Quốc. Trong đó 2 doanh nghiệp chủ yếu là công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thuận Hưng Phát và công ty liên doanh nuôi và phát triển khỉ Việt Nam.

Hình 15: Cơ cấu các loại thịt và sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ngược lại, nhập khẩu thịt từ Hàn Quốc của Việt Nam trong tháng 2/2021 đã giảm 69,4% so với tháng trước và giảm 72,4% so với cùng kỳ năm 2020, chỉ đạt 1,7 triệu USD. Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ, chiếm 99,9%.

Tại thị trường trong nước, sự bùng phát của chủng cúm gia cầm H5N8 dễ lây lan đã dẫn đến việc tiêu hủy hơn 26 triệu con gia cầm trên khắp Hàn Quốc kể từ tháng 10/2020, tiếp tục khiến tình trạng thiếu trứng nghiêm trọng ở nước này. Theo tờ The Indian Express, Hàn Quốc là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất trên thế giới bởi dịch cúm gia cầm với 95 trường hợp được phát hiện tại các trang trại gia cầm địa phương trong những tháng gần đây.

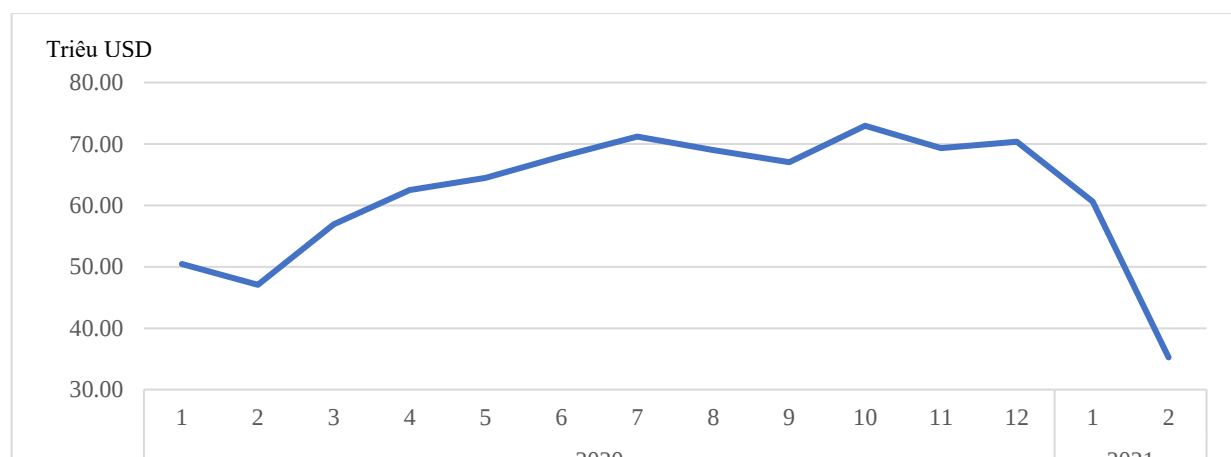
7. THỦY SẢN

Bộ Hải dương Hàn Quốc đã công bố kế hoạch chi tiết 5 năm (2020-2025) nhằm quản lý tốt hơn nguồn tài nguyên thủy sản của đất nước, vì biến đổi khí hậu và đánh bắt quá mức đang thách thức tính bền vững của ngành thủy sản địa phương. Theo kế hoạch, tổng lượng tài nguyên thủy sản ở các vùng ven biển của đất nước sẽ tăng lên 4 triệu tấn vào năm 2025, tăng 28% so với ước tính hiện tại là 3,13 triệu tấn. Khả năng tự cung tự cấp của hàng hóa thủy sản chỉ đạt 69,3% trong năm 2018, giảm mạnh so với 81% năm 2001 do Hàn Quốc tiêu thụ nhiều thủy sản hơn. Mức tiêu thụ bình quân đầu người tăng 61,4% trong giai đoạn này lên 68,1 kg mỗi năm.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 2/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 35,25 triệu USD, giảm 25,1% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 16,2% tổng

giá trị thủy sản Việt Nam tháng này. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này vẫn tiếp tục đà giảm giả từ cuối năm 2020, giảm 41,8% so với tháng trước. Hàn Quốc là một trong 4 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 43,1% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 26%.

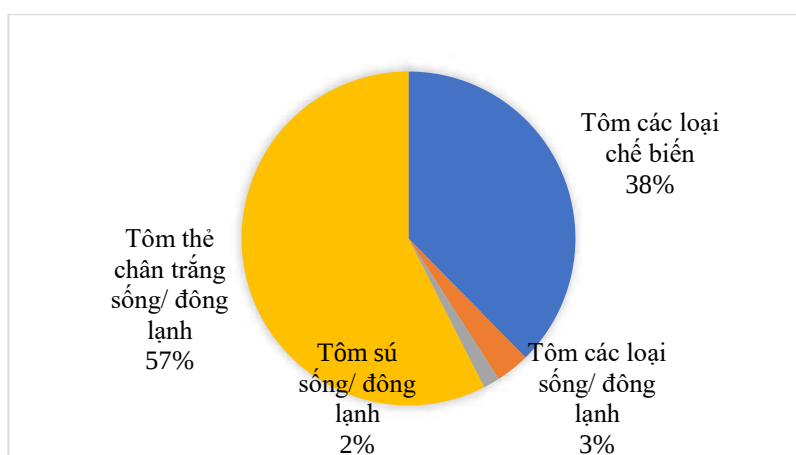
Hình 16: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 2 năm 2021 đạt 15,18 triệu USD, giảm 38,9% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, giá trị xuất khẩu tôm tháng này vẫn có xu hướng giảm so với tháng trước, giảm 27%. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh là mặt hàng xuất chủ yếu sang thị trường này. Cụ thể. Giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 8,73 triệu USD, chiếm 57,5% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang thị trường này, giảm 46,5% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị xuất khẩu tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,24 triệu USD, chiếm 1,6%, giảm 60,1%; tôm các loại chế biến đạt 5,71 triệu USD, chiếm 37,6%, giảm 29,7%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,5 triệu USD, chiếm 3,3%, tăng 187,9%.

Hình 17: Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 2/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 2 năm 2021 đạt 9,15 triệu USD, giảm 18% so với cùng kỳ năm 2020, giảm 50,9% so với tháng 1/2021. Cụ thể, Mực và bạch tuộc sống/đông lạnh chiếm 90,2%, đạt 8,25 triệu USD, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2020; Mực và bạch tuộc chế biến đạt 0,90 triệu USD, chiếm 9,8%, giảm 62,4%.

Tháng 2/2021, một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc như sau: Cá da trơn đạt 0,23 triệu USD, chiếm 0,6% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu, tăng 59,6% so với cùng kỳ năm trước; cá rô phi đạt 0,13 triệu USD chiếm 0,4%, giảm 46,8%; Cua, ghẹ đạt 0,01 triệu USD, giảm 92,6%; thủy sản khác đạt 10,43 triệu USD, chiếm 29,6%, tăng 6,5%.

Tháng 2/2021, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc có xu hướng tăng nhẹ so với tháng 2/2020. Cụ thể: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8,36 USD/kg, giảm 1%; Mực và bạch tuộc đạt 8,75 USD/kg, giảm 26,7%; Cua, ghẹ đạt 5,95 USD/kg, giảm 6,2%; cá rô phi đạt 2,54 USD/kg, giảm 12%.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 2/2021

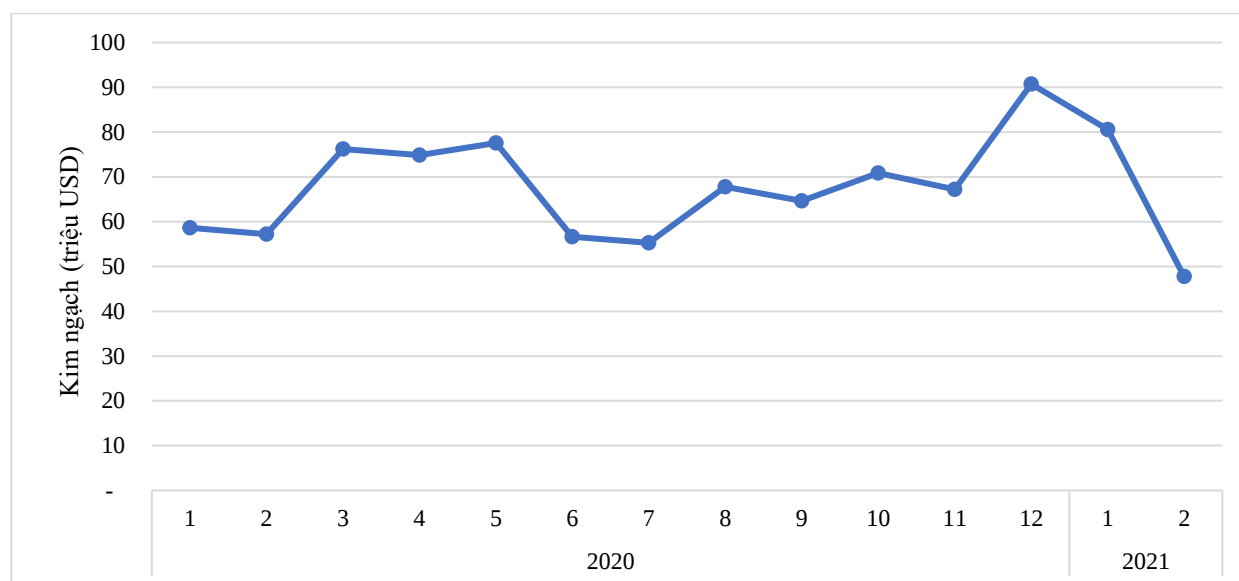
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,59	-26,4%	14,2%
2	Cá rô phi	2,54	-12,0%	-6,5%
3	Cua, ghẹ	5,95	-6,2%	19,0%
4	Mực và bạch tuộc	8,75	-26,7%	9,8%
5	Tôm	8,36	-1,0%	3,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 2 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty cổ phần chén biển và dịch vụ thủy sản Cà Mau chiếm 7,23% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty thủy sản Minh Phú – Hậu Giang chiếm 6,67%; Công TNHH một thành viên chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Ngọc Trinh Bạc Liêu chiếm 4,88%.

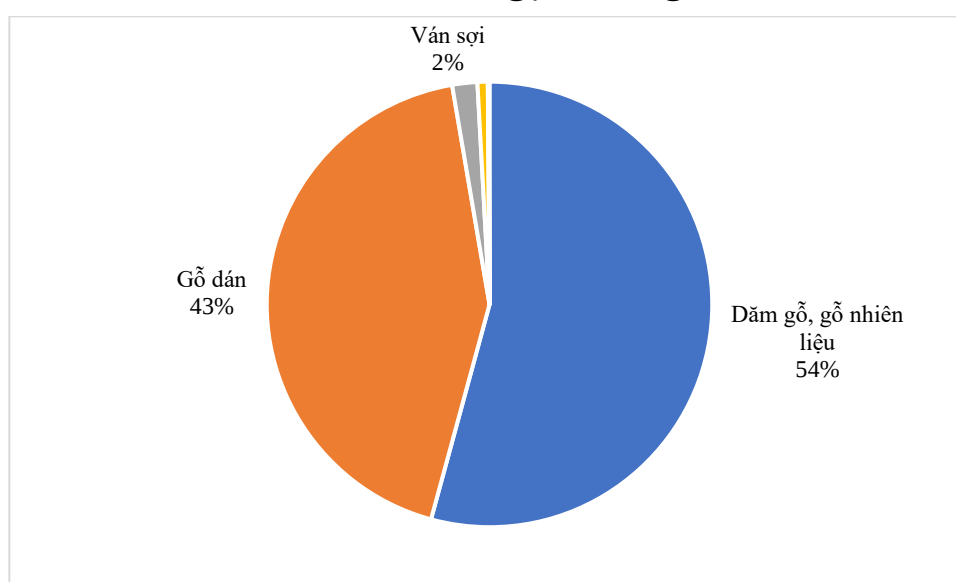
8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 02/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 47,8 triệu USD, giảm 40,8% so với tháng trước và giảm 16,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 18: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 02/2021, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 17,3 triệu USD, chiếm 54,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 13,8 triệu USD, chiếm 43,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 1,8% và 0,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 19: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 02/2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi, Công ty CP Cát Phú Quảng Ngãi và Công ty CP Eastwood Energy. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 7,9%, 7,3%

và 7,1% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 02/2021.

9. CAO SU

Báo cáo thị trường nông, lâm, thủy sản của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, tháng 01/2021, Hàn Quốc nhập khẩu 44.020 tấn cao su (mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005), trị giá 84,16 triệu USD, tăng gần 7% về lượng và tăng gần 16% về trị giá so với tháng 01/2020. Trong đó, Indonesia, Thái Lan, Việt Nam, Trung Quốc và Mỹ là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Hàn Quốc.

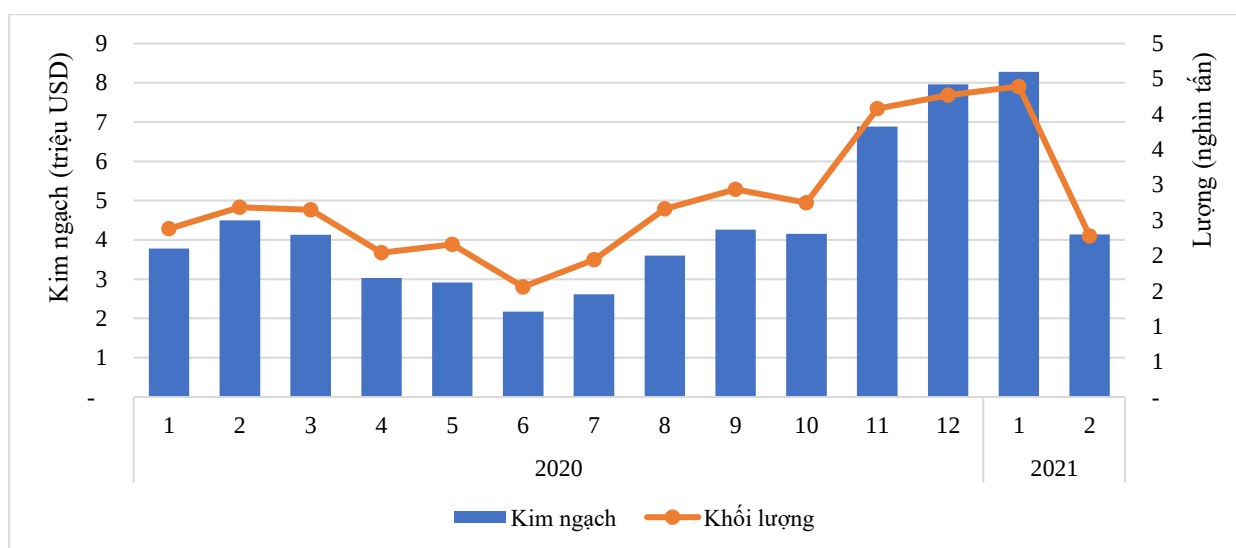
Trong đó, nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001) của Hàn Quốc tháng 01/2021, đạt 26.220 tấn, trị giá 43,45 triệu USD, tăng 4,5% về lượng và tăng hơn 23% về trị giá so với tháng 1/2020. Indonesia, Thái Lan, Việt Nam, Myanmar và Campuchia là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tự nhiên cho Hàn Quốc trong tháng 1/2021.

Bên cạnh đó, Hàn Quốc nhập khẩu 15.390 tấn cao su tổng hợp (mã HS: 4002), trị giá trên 35,85 triệu USD, tăng 7,5% về lượng và tăng 6,3% về trị giá so với tháng 1/2020. Mỹ, Trung Quốc, Cộng hòa Séc, Nhật Bản và Singapore là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tổng hợp cho Hàn Quốc trong tháng 1/2021.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tổng hợp cho Hàn Quốc trong tháng 1/2021 có sự thay đổi khi thị phần cao su tổng hợp của Mỹ, Trung Quốc, Cộng hòa Séc, Nhật Bản tăng, trong khi thị phần của Singapore giảm. Cao su tổng hợp của Việt Nam chỉ chiếm 0,07% trong tổng lượng cao su tổng hợp nhập khẩu của Hàn Quốc.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 02/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 2,3 nghìn tấn với trị giá 4,1 triệu USD, giảm 48,2% về khối lượng và 50,0% về giá trị so với tháng trước, và giảm 15,2% về khối lượng và 8,0% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

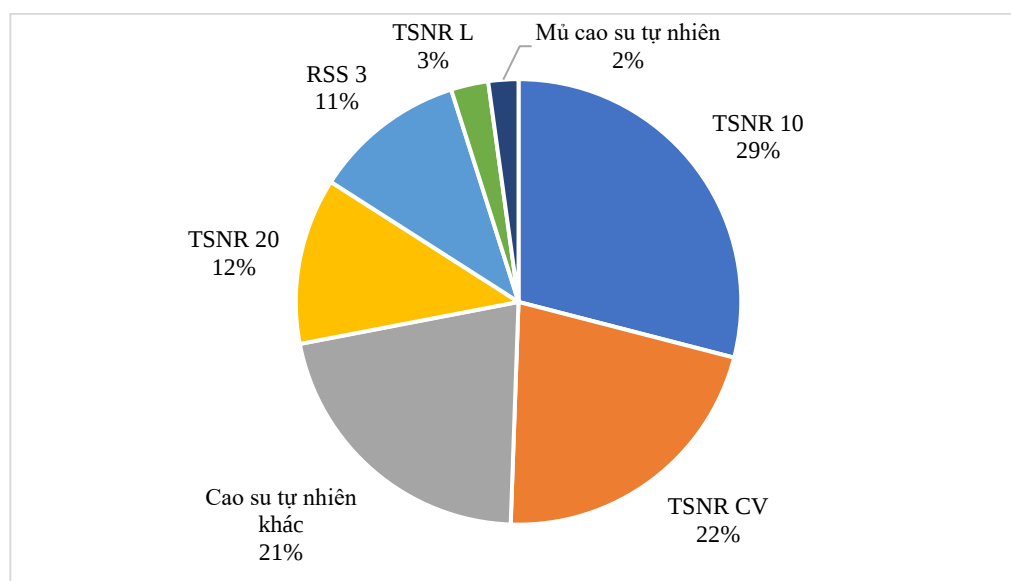
Hình 20: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,2 triệu USD, chiếm 29,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 0,9 triệu USD, chiếm 21,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 20 và RSS 3, chiếm lần lượt 12,1% và 11,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

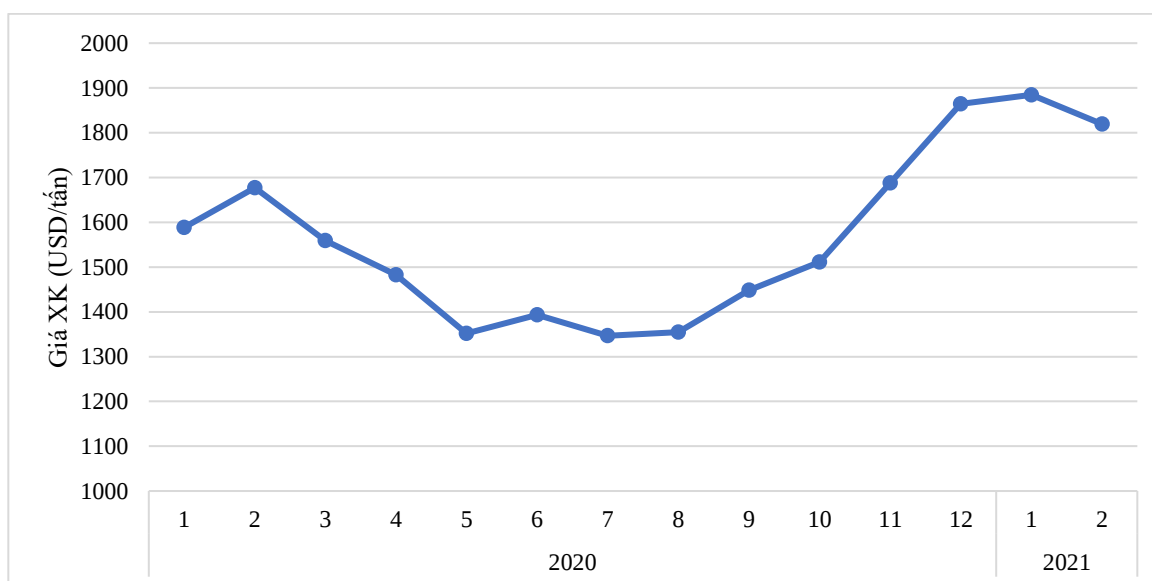
Hình 21: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 02/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.820 USD/tấn trong tháng 02/2021, giảm 3,4% so với tháng 01/2021 nhưng tăng 8,5% so với cùng kỳ 2020.

Hình 22: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH MTV Thắng Thắng Lợi, Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh, và Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Hiệp Thành. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 18,3%, 11,8% và 10,9% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 02/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Trong hai tháng đầu năm 2021, Hàn Quốc đã đưa ra 170 nghìn tấn gạo dự trữ ra thị trường. Hàn Quốc đang dự định tiếp tục xuất 100 nghìn tấn gạo dự trữ vào tháng 4/2021 và đạt kế hoạch 370 nghìn tấn năm nay. Năm ngoái Hàn Quốc sản xuất được khoảng 3,51 triệu tấn gạo, thấp hơn 120 nghìn tấn so với mục tiêu hàng năm của chính phủ. Nguyên nhân giảm sản lượng là do tình trạng mưa bão đặc biệt nghiêm trọng vào giữa năm ngoái. Hành động cung ứng gạo dự trữ ra thị trường cũng là động thái của chính phủ nhằm giảm tác động tiêu cực đến đời sống của người dân khi giá lương thực trên toàn thế giới có xu hướng tăng cao. Dự báo sản lượng gạo năm nay của Hàn Quốc sẽ có thể tiếp tục giảm, đây sẽ là một cơ hội để tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu gạo sang thị trường này.

2. Cà phê

Dữ liệu của Công thông tin cà phê thế giới cho thấy Hàn Quốc là thị trường cà phê có thương hiệu lớn nhất Đông Á với 24.905 cửa hàng. Bất chấp sự gián đoạn của Covid-19 đang diễn ra và mật độ cửa hàng cà phê cao đáng kể với 482 trên triệu dân, thị trường chuỗi cà phê có thương hiệu của đất nước vẫn đạt mức tăng trưởng của hàng là 8,3% vào năm 2020. Thị trường cà phê ở Hàn Quốc vẫn có nhiều tiềm năng bất chấp những khó khăn do dịch bệnh mang lại. Tăng trưởng cà phê nhập khẩu sẽ chậm lại trong một thời gian do thị trường bão hòa nhưng cà phê đặc sản vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng.

3. Cao su

Nhà sản xuất cao su Thái Lan, Sri Trang (SET), dự báo nhu cầu cao su tự nhiên toàn cầu năm 2021 sẽ ở mức 13,4 triệu tấn, tăng 7% so với năm 2020. Cũng theo Hội đồng Cao su Malaysia, vắc xin phòng Covid-19 sẽ được phổ biến rộng rãi vào nửa cuối năm 2021, khiến nhu cầu về găng tay y tế không mạnh mẽ như trước. Nhưng ngành cao su sẽ tiếp tục có triển vọng khả quan với các hoạt động kinh tế dần phục hồi vào cuối năm 2021.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 02/2021

STT	Sản phẩm	T2/2021 (USD)	Tăng/giảm so với T2/2020	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	6.091.484	3,04%	5,52%
2	Cao su	4.139.748	-7,98%	3,75%
3	Gỗ và SP gỗ	47.758.718	-16,52%	43,30%
4	Hàng rau quả	7.606.483	-51,93%	6,90%
5	Hàng thủy sản	35.245.649	-25,11%	31,95%
6	Hạt tiêu	571.781	-66,31%	0,52%
7	Phân bón các loại	1.964.601	682,21%	1,78%
8	Mây tre đan	1.127.564	-13,28%	1,02%
9	SP từ cao su	4.285.293	-29,56%	3,88%
10	Sắn và SP từ sắn	337.819	-84,26%	0,31%
11	TAGS & NL	1.175.534	-28,38%	1,07%
Tổng XK NLTS		110,304,674		100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 02/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 02/2020		Tháng 02/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo trắng	68	28.200	10.542	5.430.405	15402,9%	19156,8%
2.	Các loại gạo khác	29	16.601	25	15.089	-13,8%	-9,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 2/2021

Mặt hàng	T2/2020	T2/2021	So sánh T2/2020 và T2/2021
Chưa rang chưa khử cafein	4.433.655	5.055.143	14,02%
Đã rang chưa khử cafein	139.295	375.919	169,87%
Đã rang đã khử cafein	169.036		-100,00%
Khác (vỏ, chất thay thế chứa cà phê)		38.058	-
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	214.017	174.338	-18,54%
Chưa rang đã khử cafein	69.592	185.160	166,06%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	874.136	259.947	-70,26%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 2/2021**

TT	Sản phẩm	Tháng 2/2020 (USD)	Tháng 2/2021 (USD)	So sánh T2.2021/T2.2020
	Tổng giá trị XK	15.823.886	7.606.483	-51,9%
1	Hạt mè	3.331.539	2.443.193	-26,7%
2	Xoài	1.480.754	937.135	-36,7%
3	Ớt	2.854.746	452.574	-84,1%
4	Thanh long	295.113	297.435	0,8%
5	Chuối	328.567	266.240	-19,0%
6	Dừa	216.350	237.447	9,8%
7	Khoai lang	202.746	156.553	-22,8%
8	Khác	7.114.071	2.815.905	-60,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 2/2021

TT	Sản phẩm	Giá trị (USD)	Cơ cấu (%)
	Tổng giá trị XK	337.819	100,0%
1	Sản lát, đông lạnh	246.504	73,0%
2	Tinh bột sản	85.960	25,4%
3	Sản phẩm sản chế biến	5.355	1,6%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 7: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Hàn Quốc tháng 02/2021**

T T	Sản phẩm	T2/2020 (USD)	T/2021 (USD)	So sánh T2.2021/T2.2020
1	Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm		381.883,9	
2	Thịt khác	56.712,8	68.214,8	20%
3	Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	86.094,2	312,8	-100%
	Tổng	142.807,0	450.411,5	215%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 8: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 2 năm 2021**

Loại sản phẩm	Tháng 2/2020 (USD)	Tháng 2/2021 (Tr. USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	0,38	0,23	59,6%
Cá ngừ	0,11	0,01	
Cá rô phi	0,25	0,13	-46,8%
Cua, ghẹ	0,16	0,01	-92,6%
Mực và bạch tuộc	11,15	9,15	-18,0%
Tôm	25,22	15,18	-39,8%
Thủy sản khác	9,80	10,43	6,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan